

**GIẤY ĐĂNG KÝ THÔNG TIN MỞ TÀI KHOẢN VÀ SỬ DỤNG
DỊCH VỤ TỔ CHỨC KIỂM THỎA THUẬN MỞ VÀ SỬ DỤNG
TÀI KHOẢN THANH TOÁN CHUNG**
(APPLICATION FOR OPENING CORPORATE ACCOUNT AND REGISTRATION OF
SERVICES AND AGREEMENT TO OPENING AND USING JOINT- ACCOUNT)

☐ Mở tài khoản/Opening an account ☐ Thay đổi thông tin/Update information

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Kiên Long CN/PGD:		Mã KH:
To: KienlongBank Branch/Transaction office		Customer code

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC THỨ 1/ THE FIRST CORPORATE'S INFORMATION

I.1 Thông tin tổ chức/Corporate's Information

1. Tên tổ chức*/Corporate's name:

Tên tiếng Anh*/English name:

Tên viết tắt*/Abbreviation: ☐ Người cư trú* Resident ☐ Người không cư trú* Non-resident

2. Địa chỉ trụ sở chính*/Register address: MS thuế:
Tax code

Địa chỉ giao dịch*/Trading address:

Điện thoại*/Phone No.: Fax*: Email:

3. QĐ thành lập/Giấy CN ĐKDN số*: Ngày cấp*: Nơi cấp*:
Establishment Decision/Business Registration Certificate No. Date of issue Place of issue

4. Loại hình DN*: Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh*:
Type of business Field of business

5. Số định danh của tổ chức (nếu có)*ID No (if any)

6. Tên công ty mẹ (nếu có)/Holding company's name (If any):

Loại hình DN: ☐ Người cư trú/Resident ☐ Người không cư trú/Non-resident
Type of business

7. Cổ đông nắm giữ trực tiếp/gián tiếp trên 10% cổ phần*/Any person who owns directly/indirectly more than 10% of the entity's shares

- Có quốc tịch Mỹ/US Citizenship: ☐ Có/Yes (2) ☐ Không/No - Có thẻ xanh Mỹ/US green card: ☐ Có/Yes (2) ☐ Không/No

- Có cư trú tại Mỹ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong 3 năm bao gồm năm hiện tại và 2 năm trước đó/
Resident alien who has been in the US for at least 31 days during the current year and 183 days during the 3 years period that includes the current year
and the 2 preceding years:
☐ Có/Yes (2) ☐ Không/No

(2) Tổ chức khai thêm thông tin tại Phụ lục Thông tin cổ đông/Please provide more details in the Annex Shareholder's information.

8. Chủ tài khoản có Chủ sở hữu hưởng lợi khác ngoài người đại diện hợp pháp không* ☐ Có ☐ Không
Does account holder have other beneficiaries other than legal representative? Yes No

Nếu chọn "Có", vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Tờ khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi do KienlongBank cung cấp (BM-KT-17F)
If "Yes", please provide information in the declaration form about Beneficiary owner's information from Kienlongbank (BM-KT-17F)

9. Chủ tài khoản có tham gia (các) Thỏa thuận pháp lý không* ☐ Có ☐ Không
Does account holder involved in any legal arrangements? Yes No

Nếu chọn "Có", vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Thông tin KH tham gia thỏa thuận pháp lý do KienlongBank cung cấp (BM-PCRT-01)
If "Yes", please provide information in the declaration form about Legal arrangements information from Kienlongbank (BM-PCRT-01)

Các tờ khai Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi hoặc/và Tờ khai thông tin KH tham gia thỏa thuận pháp lý là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận này/The Beneficiary Owner's Information Forms and/or Customer Legal Agreement Information Forms are an integral part of this Agreement.

I.2 NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ TÀI KHOẢN/LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION:

I.2.1 THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP – NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT / LEGAL REPRESENTATIVE
INFORMATION - LEGAL REPRESENTATIVE

1. Họ, tên*/Full name:	Ngày sinh*:	☐ Nam*/Male	☐ Nữ*/Female
2. Quốc tịch*/Nationality: và/and:		☐ Cư trú*/Resident	☐ Không cư trú*/Non-resident
3. Thông tin giấy tờ tùy thân/Identity document information			
3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality			
Số CMND ¹ /CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:			
Ngày cấp:	Nơi cấp:	Ngày hết hạn:	
Date of issue	Place of issue	Date of expiry	
3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities			
Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:			
Ngày cấp:	Nơi cấp:	Ngày hết hạn:	
Date of issue	Place of issue	Date of expiry	
4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam)			
5. Thông tin địa chỉ*/Address information			
5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen			
Địa chỉ thường trú/Permanent address:			
Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address			
☐ Khác/Other			
5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1 st nationality:			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2 nd nationality:			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:			
6. ĐT di động*/Mobile phone No.:	Fax:	Email:	
7. Nghề nghiệp*: ☐ Công chức	☐ Tự doanh	☐ Nhân viên văn phòng	☐ Khác:
Occupation	Government officer	Business Owner	Office staff
8. Chức vụ*/Position: Nơi công tác/Employer: MST/Tax code			

I.2.2 THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP – NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO UỶ QUYỀN / LEGAL REPRESENTATIVE
INFORMATION - AUTHORIZED REPRESENTATIVE

1. Họ, tên*/Full name:	Ngày sinh*:	☐ Nam*/Male	☐ Nữ*/Female
2. Quốc tịch*/Nationality: và/and:		☐ Người cư trú*/Resident	☐ Người không cư trú*/Non-resident
3. Thông tin giấy tờ tùy thân/Identity document information			
3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality			
Số CMND ¹ /CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:			
Ngày cấp:	Nơi cấp:	Ngày hết hạn:	
Date of issue	Place of issue	Date of expiry	
3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities			
Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:			

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

(*) Thông tin bắt buộc

Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:.....
Date of issue Place of issue Date of expiry

4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam):

5. Thông tin địa chỉ*/Address information

5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen

Địa chỉ thường trú/Permanent address:

Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address

☐ Khác/Other

5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:.....

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1st nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2nd nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:

6. DT di động*/Mobile phone No.: Fax: Email:

7. Nghề nghiệp*: ☐ Công chức ☐ Tự doanh ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác:
Occupation Government officer Business Owner Office staff Other

8. Chức vụ*/Position: Nơi công tác/Employer: MST/ Tax code

9. Phạm vi đại diện theo văn bản số*:..... ngày của.....
Representation according to document number dated

I.3 THÔNG TIN NGƯỜI THÀNH LẬP/FOUNDER INFORMATION

1. Họ, tên*/Full name: Ngày sinh*: ☐ Nam*/Male ☐ Nữ*/Female
Date of birth

2. Quốc tịch*/Nationality: và/and: ☐ Người cư trú*/Resident ☐ Người không cư trú*/Non-resident

3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information

3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality

Số CMND¹/CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:..... Ngày hết hạn:.....
Date of issue Place of issue Date of expiry

3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Số định danh/Số HC/ID No/Passport No.:

Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:.....
Date of issue Place of issue Date of expiry

4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam):.....

5. Thông tin địa chỉ*/Address information

5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen

Địa chỉ thường trú/Permanent address:

Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address

☐ Khác/Other

5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:.....

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1st nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2nd nationality:

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:			
6. ĐT di động*/Mobile phone No.:		Email:	
7. Nghề nghiệp*: Occupation	☐ Công chức Government officer	☐ Tự doanh Business Owner	☐ Nhân viên văn phòng Office staff
☐ Khác:			
8. Chức vụ*/Position:		Nơi công tác/Employer: MST/Tax code	
I.4 THÔNG TIN CỦA/INFORMATION OF:			
☐ Kế toán trưởng/Chief Accountant		☐ Phụ trách kế toán/Person in Charge of Accounting	
1. Họ, tên*/Full name:		Ngày sinh*: Date of birth	
		☐ Nam*/Male ☐ Nữ*/Female	
2. Quốc tịch*/Nationality: và/and:		☐ Người cư trú*/Resident ☐ Người không cư trú*/Non-resident	
3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information			
3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality			
Số CMND/CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:			
Ngày cấp: Date of issue	Nơi cấp: Place of issue	Ngày hết hạn: Date of expiry	
3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities			
Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:			
Ngày cấp: Date of issue	Nơi cấp: Place of issue	Ngày hết hạn: Date of expiry	
4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam).....			
5. Thông tin địa chỉ*/Address information			
5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen			
Địa chỉ thường trú/Permanent address:			
Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address			
☐ Khác/Other			
5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1 st nationality:			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2 nd nationality:			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:			
6. ĐT di động*/Mobile phone No.:		Email:	
7. Nghề nghiệp*: Occupation	☐ Công chức Government officer	☐ Tự doanh Business Owner	☐ Nhân viên văn phòng Office staff
☐ Khác:			
8. Chức vụ*/Position:		Nơi công tác/Employer: MST/Tax code	
II. THÔNG TIN TỔ CHỨC THỨ 2/ THE SECOND CORPORATE'S INFORMATION			
II.1 Thông tin tổ chức/Corporate's Information			
1. Tên tổ chức*/Corporate's name:			
Tên tiếng Anh*/English name:			
Tên viết tắt*/Abbreviation:			
☐ Người cư trú* ☐ Người không cư trú* Resident Non-resident			
2. Địa chỉ trụ sở chính*/Register address: MS thuế*: Tax code			

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc

Địa chỉ giao dịch*/Trading address:		
Điện thoại*/Phone No.:	Fax*:	Email:
3. QĐ thành lập/Giấy CN ĐKDN số*: Establishment Decision/Business Registration Certificate No.	Ngày cấp*:..... Date of issue	Nơi cấp*: Place of issue
4. Loại hình DN*: Type of business	Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh*: Field of business	
5. Số định danh của tổ chức (nếu có)*ID No (if any).....		
6. Tên công ty mẹ (nếu có)/Holding company's name (If any):		
Loại hình DN: ☐ Người cư trú/Resident ☐ Người không cư trú/Non-resident Type of business		
7. Cổ đông nắm giữ trực tiếp/gián tiếp trên 10% cổ phần*/Any person who owns directly/indirectly more than 10% of the entity's shares - Có quốc tịch Mỹ/US Citizenship ☐ Có/Yes (²) ☐ Không/No Có thẻ xanh Mỹ/US green card: ☐ Có/Yes (²) ☐ Không/No - Có cư trú tại Mỹ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong 3 năm bao gồm năm hiện tại và 2 năm trước đó/ Resident alien who has been in the US for at least 31 days during the current year and 183 days during the 3 years period that includes the current year and the 2 preceding years: ☐ Có/Yes (²) ☐ Không/No (²) Tổ chức khai thêm thông tin tại Phụ lục Thông tin cổ đông/Please provide more details in the Annex Shareholder's information.		
8. Chủ tài khoản có Chủ sở hữu hưởng lợi khác ngoài người đại diện hợp pháp không*: ☐ Có ☐ Không Does account holder have other beneficiaries other than the legal representative? Nếu chọn "Có", vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Tờ khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi do KienlongBank cung cấp (BM-KT-17F) If "Yes", please provide information in the declaration form about Beneficiary owner's information from Kienlongbank (BM-KT-17F)		
9. Chủ tài khoản có tham gia (các) Thỏa thuận pháp lý không* ☐ Có ☐ Không Does account holder involved in any legal arrangements? Nếu chọn "Có", vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Thông tin KH tham gia thỏa thuận pháp lý do KienlongBank cung cấp (BM-PCRT-01) If "Yes", please provide information in the declaration form about Legal arrangements information from Kienlongbank (BM-PCRT-01)		
Các tờ khai Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi hoặc/và Tờ khai thông tin KH tham gia thỏa thuận pháp lý là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận này/ The Beneficiary Owner's Information Forms and/or Customer Legal Agreement Information Forms are an integral part of this Agreement.		
II.2 NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ TÀI KHOẢN /LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION:		
II.2.1 THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP – NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION - LEGAL REPRESENTATIVE		
1. Họ, tên*/Full name: Ngày sinh*:..... ☐ Nam*/Male ☐ Nữ*/Female Date of birth		
2. Quốc tịch*/Nationality:..... và/and: ☐ Người cư trú*/Resident ☐ Người không cư trú*/Non-resident		
3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information		
3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality Số CMND¹/CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:..... Ngày cấp: Nơi cấp:..... Ngày hết hạn:..... Date of issue Place of issue Date of expiry		
3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities Số định danh/Số HC/ID/Passport No.: Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:..... Date of issue Place of issue Date of expiry		

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc

4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/ Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam).....

5. Thông tin địa chỉ*/Address information

5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen

Địa chỉ thường trú/Permanent address:

Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address

☐ Khác /Other.....

5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:.....

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1st nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2nd nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:.....

6. ĐT di động*/Mobile phone No.: Email:

7. Nghề nghiệp*: ☐ Công chức ☐ Tự doanh ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Khác:
Occupation Government officer Business Owner Office staff Other

8. Chức vụ*/Position: Nơi công tác/Employer: MST/Tax code

II.2.2 THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP – NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN/LEGAL REPRESENTATIVE INFORMATION - AUTHORIZED REPRESENTATIVE

1. Họ, tên*/Full name: Ngày sinh*: ☐ Nam*/Male ☐ Nữ*/Female
Date of birth

2. Quốc tịch*/Nationality:..... và/and:..... ☐ Người cư trú*/Resident ☐ Người không cư trú*/Non-resident

3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information

3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality

Số CMND¹/CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:.....

Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
Date of issue Place of issue Date of expiry

3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Số định danh/Số HCID/Passport No.:

Ngày cấp: Nơi cấp: Ngày hết hạn:
Date of issue Place of issue Date of expiry

4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam).....

5. Thông tin địa chỉ*/Address information

5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen

Địa chỉ thường trú/Permanent address:

Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address

☐ Khác/Other

5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:.....

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1st nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2nd nationality:

Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:.....

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc



6. ĐT di động*/Mobile phone No.:		Email:		
7. Nghề nghiệp*: Occupation	☐ Công chức Government officer	☐ Tự doanh Business Owner	☐ Nhân viên văn phòng Office staff	☐ Khác: Other
8. Chức vụ*/Position:		Nơi công tác/Employer:		MST/Tax code
9. Phạm vi đại diện theo văn bản số*: Representation according to document number		ngày của dated		

II.3 THÔNG TIN NGƯỜI THÀNH LẬP/FOUNDER INFORMATION

1. Họ, tên*/Full name:		Ngày sinh*: Date of birth		☐ Nam*/Male	☐ Nữ*/Female
2. Quốc tịch*/Nationality:		và/and:		☐ Người cư trú*/Resident	☐ Người không cư trú*/Non-resident
3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information					
3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality					
Số CMND ¹ /CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ ID certificate:.....					
Ngày cấp: Date of issue		Nơi cấp:..... Place of issue		Ngày hết hạn:..... Date of expiry	
3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities					
Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:					
Ngày cấp: Date of issue		Nơi cấp: Place of issue		Ngày hết hạn:..... Date of expiry	
4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam).....					
5. Thông tin địa chỉ*/Address information					
5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen					
Địa chỉ thường trú/Permanent address:					
Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address					
☐ Khác/Other					
5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities					
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:.....					
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1 st nationality:					
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2 nd nationality:					
Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:					
6. ĐT di động*/Mobile phone No.:		Email:			
7. Nghề nghiệp*: Occupation	☐ Công chức Government officer	☐ Tự doanh Business Owner	☐ Nhân viên văn phòng Office staff	☐ Khác: Other	
8. Chức vụ*/Position:		Nơi công tác/Employer:		MST/Tax code	

II.4 THÔNG TIN CỦA/ INFORMATION OF: ☐ Kế toán trưởng/Chief Accountant ☐ Phụ trách kế toán/Person in Charge of Accounting

1. Họ, tên*/Full name:		Ngày sinh*: Date of birth		☐ Nam*/Male	☐ Nữ*/Female
2. Quốc tịch*/Nationality:		và/and:		☐ Người cư trú*/Resident	☐ Người không cư trú*/Non-resident
3. Thông tin giấy tờ tùy thân*/Identity document information					
3.1 Đối với công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch/For Vietnamese Citizen, Vietnamese of undetermined nationality					

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc

Số CMND ¹ /CCCD/Thẻ Căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/ID No/ID certificate:.....			
Ngày cấp: Date of issue		Nơi cấp: Place of issue	Ngày hết hạn: Date of expiry
3.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/ For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities			
Số định danh/Số HC/ID/Passport No.:			
Ngày cấp: Date of issue		Nơi cấp: Place of issue	Ngày hết hạn:..... Date of expiry
4. Số thị thực nhập cảnh/Giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên cư trú tại Việt Nam)*/Visa No/Document instead of Visa (For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities living in Vietnam)			
5. Thông tin địa chỉ*/Address information			
5.1 Đối với công dân Việt Nam/For Vietnamese Citizen			
Địa chỉ thường trú/Permanent address:			
Địa chỉ liên lạc/Mailing address: ☐ Giống địa chỉ thường trú/Same as Permanent address			
☐ Khác/Other			
5.2 Đối với cá nhân là người nước ngoài và người có 2 quốc tịch trở lên/For Foreigner and Individual with 02 or more nationalities			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước ngoài/Residence registration address abroad:.....			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 1/Residence registration address of 1 st nationality:			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở nước quốc tịch 2/Residence registration address of 2 nd nationality:			
Địa chỉ đăng ký cư trú ở Việt Nam/Residence registration address in Viet Nam:			
6. ĐT di động*/Mobile phone No.:		Fax:	Email:
7. Nghề nghiệp*: ☐ Công chức Occupation Government officer		☐ Tự doanh Business Owner	☐ Nhân viên văn phòng Office staff
		☐ Khác: Other	
8. Chức vụ*/Position:		Nơi công tác/Employer:	MST/Tax code
III. THÔNG TIN VỀ TUÂN THỦ FATCA*/INFORMATION FOR FATCA COMPLIANCE			
Vui lòng xác nhận thông tin bằng cách điền vào ☐ thích hợp			
Mẫu W-9 theo đường link sau : https://www.irs.gov/pub/irs-pdf/fw9.pdf			
Mẫu W-8BEN-E theo đường link sau : https://www.irs.gov/pub/irs-pdf/fw8bene.pdf			
Nội dung kê khai/Declaration content	Chủ tài khoản 1/ 1 st account holder	Chủ tài khoản 2/ 2 nd account holder	Diễn giải/Expression
1.Khách hàng là Tổ chức được thành lập tại Hoa Kỳ hoặc theo pháp luật Hoa Kỳ hoặc theo bất kỳ Bang nào của Hoa Kỳ?/Is the corporate established in US or at any State in US?	☐ Có/Yes ☐ Không/No	☐ Có/Yes ☐ Không/No	Nếu có, Điền mẫu W-9 If Yes, fill in form W-9
2.Khách hàng là Chủ sở hữu hưởng lợi miễn trừ theo quy định của FATCA (Tổ chức chính phủ, tổ chức quốc tế, Ngân hàng trung ương phát hành...)?/ Is the Customer a Beneficiary Owner exempted under FATCA regulations (Government organization, international organization, Central Bank...)?	☐ Có/Yes ☐ Không/No	☐ Có/Yes ☐ Không/No	Nếu có, vui lòng lựa chọn thông tin sau/If Yes, choose the following: ☐ Trạng thái miễn trừ hoặc Exemptionor... ☐ Điền Mẫu W-8BEN-E Fill in form W-8BEN-E
3.Khách hàng là Tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ theo quy định của FATCA?/Is the customer a Non-US Financial corporate to FATCA?	☐ Có/Yes ☐ Không/No	☐ Có/Yes ☐ Không/No	Nếu có, vui lòng lựa chọn thông tin sau/If Yes, choose the following: ☐ Tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ được IRS cấp Mã GIINvà tình trạng tuân

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

* Thông tin bắt buộc

			thủ FATCA/ Non-US Financial corporate is granted GIIN.....and FATCA compliance. ☐ Tổ chức tài chính Việt Nam hoặc Tổ chức tài chính thuộc các quốc gia tuân thủ IGA (không bị xếp vào nhóm không tuân thủ theo quy định của IGA)/ Vietnamese Financial Institution or Financial Institution in IGA compliant countries (not classified as non-compliant under IGA) ☐ Tổ chức tài chính ấn định tuân thủ được đăng ký/ Registered Financial Institution with Compliance Designation ☐ Tổ chức tài chính ngoài Hoa Kỳ ấn định tuân thủ được chứng thực/ Designated Non-US Financial Institution Designated Compliance ☐ Trạng thái miễn trừ....., hoặc Exemptionor... ☐ Điền Mẫu W-8BEN-E/Fill in W-8BEN-E form ☐ Tổ chức tài chính nước ngoài không tuân thủ/Non-Participating FFI
4. Khách hàng là Tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ?/ Is the customer a non-US non-financial corporate to FATCA?	☐ Có/Yes ☐ Không/No	☐ Có/Yes ☐ Không/No	Nếu có, vui lòng lựa chọn thông tin sau/If Yes, choose the following: ☐ Không có Người kiểm soát[1] là Đối tượng Hoa Kỳ/No supervisor is US citizen . ☐ Có Người kiểm soát là Đối tượng Hoa Kỳ. Vui lòng điền mẫu W-8BEN-E/Supervisor is US citizen: fill in the form W-8BEN-E [1] là thể nhân thực hiện kiểm soát/ chi phối đối với một tổ chức/(1) is an individual who can control a corporate - Đối với khoản tín thác: thuật ngữ trên có nghĩa là một người ủy thác, người được ủy thác, người giám hộ (nếu có), người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, và bất kỳ thể nhân nào khác nắm quyền kiểm soát cuối cùng đối với khoản tín thác đó/For a trust: the term above means a trustor, trustee, guardian (if any), beneficiary or group of beneficiaries, and any other natural person who has ultimate control over the trust. - Đối với các hình thức tổ chức pháp lý khác với khoản tín thác: thuật ngữ trên có nghĩa là những người có vai trò/vị trí tương đương/For legal entities other than trusts: the term above means persons in equivalent roles/positions.
IV. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI*/GENERAL INFORMATION OF BENEFICIARY OWNER			
Có chủ sở hữu hưởng lợi có khác người đại diện hợp pháp của tài khoản thanh toán chung không? ☐ Có ☐ Không Is there beneficiary owner that is different from legal representative of the joint account? Yes No Nếu chọn “Có”, vui lòng cung cấp thông tin vào biểu mẫu Tờ khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi do KienlongBank cung cấp (BM-KT-17F) If “Yes”, please provide information in the declaration form about Beneficiary owner’s information from Kienlongbank (BM-KT-17F)			
V. MỤC ĐÍCH VÀ BẢN CHẤT CỦA MỐI QUAN HỆ KINH DOANH CỦA KHÁCH HÀNG*/PURPOSE OF THE CUSTOMER’S BUSINESS RELATIONSHIP WITH KIENLONGBANK			
Mục đích và bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với KienlongBank Purpose of the customer’s business relationship with KienlongBank ☐ Thanh toán/payment ☐ Nhận lương/Receive salary ☐ Vay vốn/Lending ☐ Khác (vui lòng ghi rõ)/Other (specify more).....			
VI. THÔNG TIN TÀI KHOẢN CHUNG*/JOINT ACCOUNT INFORMATION			
1. Loại tài khoản/ Type of account:	☐ Tiền gửi thanh toán ☐ Tiền gửi/ ☐ Khác /Other: Checking account Term Deposit account		
2. Tên tài khoản thanh toán			
3. Loại tiền/Type of currency:	☐ VND ☐ USD ☐ EUR ☐ Khác/Other:		
4. Nhận sổ phụ TK: A/c statement receiving ☐ Có đăng ký/Register ☐ Không đăng ký/No Register	☐ Tại NH/At KienlongBank, CN/PGD:..... ☐ Qua Email/By..... By Email: ☐ Gửi bưu điện.....		

		By post office:		
5. Chu kỳ nhận sổ phụ TK <i>Period of receiving A/c statement:</i>		☐ 10 ngày/Every 10 days	☐ Hàng tháng/Monthly	☐ Khác/Other:
Tên tài khoản chung/ <i>Joint account's name:</i> Có thể chọn một trong các tên của các chủ tài khoản chung, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các thành viên đối với tài khoản này/ <i>Joint account's name may be chosen from one of joint account holders' name, without any effect to rights and obligations of the members on this account.</i>				
VII. HỒ SƠ ĐÍNH KÈM/ <i>ENCLOSED DOCUMENTS</i> (Bản sao giấy tờ/ <i>Copy of documents</i>)				
☐ Quyết định thành lập/ <i>Establishment Decision</i> ☐ Giấy CN ĐKDN/ <i>Business Registration Certificate</i> ☐ Giấy CN đăng ký thuế/ <i>Tax Registration Certificate</i> ☐ Giấy ủy quyền/ <i>Authorization letter</i>				
☐ QĐ bổ nhiệm Chủ TK/ <i>Account Holder Appointment Decision</i> ☐ QĐ bổ nhiệm KTT/ <i>Chief Accountant Appointment Decision</i> ☐ CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/Giấy chứng nhận CC/HC của các thành viên liên quan/ <i>ID/PP of related members</i> ☐ Giấy tờ khác/ <i>Other documents:</i>				
VIII. THỎA THUẬN SỬ DỤNG TÀI KHOẢN CHUNG/ <i>JOINT ACCOUNT AGREEMENT</i>				
(Đánh dấu "X" vào nội dung chọn/ <i>Please stick "X" on selected contents</i>).				
1. Mọi chứng từ giao dịch rút tiền mặt, chuyển tiền phải được ký tên bởi/ <i>All withdrawal and transfered transaction documents shall be signed by:</i> ☐ Tất cả các chủ TK chung và Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán hoặc người được ủy quyền. <i>All joint account holders and chief accountants/persons in charge of accounting or the authorized persons.</i> ☐ Thỏa thuận khác/ <i>Other agreement:</i>				
2. Mọi chứng từ giao dịch rút tiền mặt, chuyển tiền phải được đóng dấu/ <i>All withdrawal and transfer transaction documents shall be stamped:</i> ☐ Bằng con dấu của tổ chức thứ 1 và tổ chức thứ 2/ <i>By the 1 st and the 2 nd corporate's seal.</i> ☐ Thỏa thuận khác/ <i>Other agreement:</i>				
3. Mọi giao dịch rút tiền mặt phải được thực hiện bởi/ <i>All withdrawal transactions shall be conducted by:</i> ☐ Người đại diện tổ chức thứ 1 - Họ, tên/ <i>The 1 st corporate's representative - Full name:</i> CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/HC/ <i>ID/Passport No.:</i> ☐ Người đại diện tổ chức thứ 2 - Họ, tên/ <i>The 2 nd corporate's representative - Full name:</i> CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/HC/ <i>ID/Passport No.:</i> ☐ Thỏa thuận khác/ <i>Other agreement:</i>				
4. Mọi giao dịch chuyển tiền phải được thực hiện bởi/ <i>All transfer transactions shall be conducted by:</i> ☐ Người đại diện tổ chức thứ 1 - Họ, tên/ <i>The 1 st corporate's representative - Full name:</i> CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/HC/ <i>ID/Passport No.:</i> ☐ Người đại diện tổ chức thứ 2 - Họ, tên/ <i>The 2 nd corporate's representative - Full name:</i> CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/HC/ <i>ID/Passport No.:</i> ☐ Thỏa thuận khác/ <i>Other agreement:</i>				
5. Thành viên nhận thông báo/ <i>Members to receive KienlongBank's notifications:</i> ☐ Tất cả người đại diện theo pháp luật/ <i>All Legal representative</i> ☐ Người đại diện của tổ chức/ <i>The corporate's representative:</i> Người đại diện tổ chức thứ 1 - Họ, tên/ <i>The 1 st corporate's representative - Full name:</i>				

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/HC/ID/Passport No.: Người đại diện tổ chức thứ 2 - Họ, tên/The 2 nd corporate's representative - Full name: CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/HC/ID/Passport No.: ☐ Thỏa thuận khác/Other agreement:			
6. Thành viên nhận sổ phụ/Members to receive A/c statement: ☐ Người đại diện tổ chức thứ 1 - Họ, tên/The 1 st corporate's representative - Full name: CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/HC/ID/Passport No. Người đại diện tổ chức thứ 2 - Họ, tên/The 2 nd corporate's representative - Full name: CMND ¹ /CCCD/Thẻ CC/HC/ID/Passport No. ☐ Thỏa thuận khác/Other agreement:			
7. Ủy quyền sử dụng, phong tỏa, đóng tài khoản và thay đổi cách thức sử dụng tài khoản: To authorize handly, block, close and change the method of account operation: Phải được sự đồng ý và ký tên của tất cả các chủ tài khoản chung/ Shall be agreed and signed of all joint account holders.			
8. Thỏa thuận khác/Other agreement:			
IX. MẪU DẤU VÀ CHỮ KÝ TỔ CHỨC THỨ 1* / THE FIRST CORPORATE'S SPECIMEN SIGNATURE AND SEAL			
HỌ TÊN VÀ CHỨC VỤ/Name and position	CCCD/HC/ID/passport	CHỮ KÝ 1/ Signature 1	CHỮ KÝ 2/ Signature 2
1.1 Người ĐDHP thứ 1/The 1st legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
1.2 Người ĐDHP thứ 2/The 2nd legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
1.3 Người ĐDHP thứ 3/The 3rd legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp /Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
2.1 ☐ Kế toán trưởng/Chief Accountant ☐ Phụ trách kế toán Person in charge of accounting Họ tên/Full name:	Số/No: Ngày cấp /Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
2.2 Người được ủy quyền/Authorized person: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:	Số/No: Ngày cấp /Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		

¹ Áp dụng tới hết ngày 31/12/2024

2.3 Người được ủy quyền/Authorized person: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:		Số/No: Ngày cấp /Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
MẪU DẤU SPECIMEN SEAL				
X. MẪU DẤU VÀ CHỮ KÝ TỔ CHỨC THỨ 2*/THE SECOND CORPORATE'S SPECIMEN SIGNATURE AND SEAL				
HỌ TÊN VÀ CHỨC VỤ/Name and position		CCCD/HC/ID/passport	CHỮ KÝ 1/ Signature 1	CHỮ KÝ 2 /Signature 2
1.1 Người ĐDHP thứ 1/The 1st legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:		Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
1.2 Người ĐDHP thứ 2/The 2nd legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:		Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
1.3 Người ĐDHP thứ 3/The 3rd legal representative: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:		Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
2.1 ☐ Kế toán trưởng/Chief Accountant ☐ Phụ trách kế toán ☐ Person in charge of accounting Họ tên/Full name:		Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
2.2 Người được ủy quyền/Authorized person: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:		Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
2.3 Người được ủy quyền/Authorized person: Họ tên/Full name: Chức vụ/Position:		Số/No: Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:		
MẪU DẤU SPECIMEN SEAL				

XI. CAM KẾT SỬ DỤNG CON DẤU/COMMITMENT TO USE SEAL

- Mẫu dấu của Tổ chức đã đăng ký với KienlongBank có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều lệ và các văn bản nội bộ của Tổ chức/The Corporate's seal sample registered with KienlongBank has a form and content in accordance with the provisions of the Charter and internal documents of the Organization.
- Đảm bảo tính trung thực, hợp pháp, hợp lệ của mẫu dấu đã đăng ký với KienlongBank và chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý đối với mẫu dấu này/Ensure the honesty, legality and validity of the seal sample registered at KienlongBank and take full legal responsibility for this seal sample.
- Trường hợp con dấu bị lạm dụng, bị làm giả, Tổ chức cam kết chịu trách nhiệm toàn bộ về các rủi ro phát sinh liên quan đến con dấu/In case the seal is abused or counterfeited, the Corporate commits to take full responsibility for any risks arising from the seal.
- Miễn trừ trách nhiệm cho KienlongBank khi thực hiện các giao dịch tài khoản theo mẫu dấu Tổ chức trên các chứng từ giao dịch của Tổ chức với KienlongBank/Exempt KienlongBank from liability when performing account transactions according to the Organization's seal sample on the Organization's transaction documents with KienlongBank.
- Khách hàng sẽ thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thông tin mẫu dấu trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về hình thức, nội dung của con dấu (nếu có) theo quy định của KienlongBank trong từng thời kỳ/ kỳThe Customer will carry out the procedure for registering changes to the seal sample information in case of any changes in the form or content of the seal (if any) according to KienlongBank's regulations from time to time.
KienlongBank được quyền tạm ngừng giao dịch của Tổ chức trong trường hợp có bất cứ vi phạm, lạm dụng hoặc giả mạo nào đối với mẫu dấu đã đăng ký/ KienlongBank has the right to suspend the Organization's transactions in case of any violation, abuse or forgery of the registered seal sample.

XII. XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG/CUSTOMER 'S CONFIRMATION

- Các khách hàng cam đoan rằng mọi thông tin cung cấp và yêu cầu KienlongBank tại Thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán chung - tổ chức ("Thỏa thuận") này đã được sự thống nhất, chấp thuận của các Khách hàng và là đúng sự thật, chính xác và là những thông tin cập nhật tới thời điểm ký Thỏa thuận này. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các tài liệu, thông tin, dữ liệu yêu cầu đã cung cấp và kê khai tại Thỏa thuận này. Các khách hàng hiểu và đồng ý rằng KienlongBank có thể yêu cầu thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác thực các thông tin mà các Khách hàng xác nhận trên đây, thay mặt các Khách hàng cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật./Customers guarantee that all information provided and requested by KienlongBank in this Agreement for opening and using joint accounts - organizations ("Agreement") has been agreed upon and approved by the Customers and is true, exact and update up to the date of signing this Agreement. Customers are fully responsible for the documents, information, and data required to be provided and declared in this Agreement. Customers understand and agree that KienlongBank may request additional documents, information, and data to verify the information that Customers confirm above, and on behalf of Customers, provide documents, information, and data to competent state agencies in accordance with the provisions of the Law.
- Các Khách hàng xác nhận rằng/The Customers confirm that:
 - Đã đọc, hiểu rõ, chấp thuận và đồng ý rằng sẽ tuân theo Điều kiện và Điều khoản mở và sử dụng tài khoản thanh toán của KienlongBank, Điều kiện, Điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân ("Điều kiện và Điều khoản") được công bố trên website www.kienlongbank.com và có hiệu lực tại thời điểm các Khách hàng ký Thỏa thuận này, là một phần không tách rời của Thỏa thuận này, tạo thành một Thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán chung giữa các Khách hàng và KienlongBank (gọi tắt là "Thỏa thuận") và có hiệu lực kể từ ngày được KienlongBank xác nhận dưới đây. Các Khách hàng xác nhận đồng ý rằng KienlongBank có quyền sửa đổi, bổ sung Điều kiện và Điều khoản này tại bất kỳ thời điểm nào và thực hiện thông báo cho các Khách hàng theo cách mà KienlongBank cho là phù hợp. Các sửa đổi, bổ sung sẽ có giá trị ràng buộc các Khách hàng nếu các Khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ theo Thỏa thuận này sau thời điểm việc sửa đổi, bổ sung có hiệu lực/Have read, understood, accepted and agreed to comply with the Terms and Conditions for opening and using KienlongBank's checking account, the Terms and Conditions on personal data protection ("Terms and Conditions") published on the website www.kienlongbank.com and effective at the time the Customers sign this Agreement, which is an integral part of this Agreement, forming an Agreement to open and use a joint payment account between the Customers and KienlongBank (referred to as "Agreement") and effective from the date confirmed by KienlongBank below. The Customers confirm and agree that KienlongBank has the right to amend and supplement these Terms and Conditions at any time and notify the Customers in a manner that KienlongBank deems appropriate. The amendments and supplements will be binding on the Customers if the Customers continue to use the services under this Agreement after the time of amendment. changes and supplements are effective.
 - Xác nhận các Giấy đăng ký dịch vụ theo yêu cầu của các Khách hàng tại Thỏa thuận này là do chính các Khách hàng yêu cầu và tạo lập, là một phần đính kèm, không tách rời của Thỏa thuận này, có giá trị pháp lý ràng buộc các Khách hàng. Việc các Khách hàng ký, đóng dấu xác nhận trên Thỏa thuận này được hiểu các Khách hàng đã đồng ý với toàn bộ các nội dung Xác nhận của Khách hàng tại các Giấy đăng ký dịch vụ đính kèm Đơn này/Confirmation of the Service Registration Forms requested by the Customers in this Agreement is requested and created by the Customers themselves, is an attached, inseparable part of this Agreement, and has legal value binding on the Customers. The Customers' signature and stamp of confirmation on this Agreement is understood that the Customers have agreed to all the contents of the Customer's Confirmation in the Service Registration Forms attached to this Application. Các khách hàng cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán chung theo quy định của KienlongBank và pháp luật, thanh toán đầy đủ các khoản phí liên quan/ Customers commit to take full responsibility for the management and use of the joint payment account according to KienlongBank's regulations and the law, and fully pay all related fees.
- Chúng tôi cam kết tự phân chia số tiền trên tài khoản chung, chịu trách nhiệm đối với các chi phí và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản chung theo quy định của KienlongBank/We commit to divide ourself the balance of the joint account, be responsible for expenses and obligations arising from operating the joint account under the regulations stipulated by KienlongBank.

Ngày/Date tháng/month năm/year

Người đại diện hợp pháp Tổ chức thứ 1/ <i>The 1st corporate legal representative</i> (Ký tên, họ tên, đóng dấu/Sign, full name and seal)	Người đại diện hợp pháp Tổ chức thứ 2/ <i>The 2nd corporate legal representative</i> (Ký tên, họ tên, đóng dấu/Sign, full name and seal)
XIII. PHẦN DÀNH CHO KIENLONGBANK/ FOR KIENLONGBANK USE ONLY	
☐ Đồng ý mở tài khoản/Approval to open an account Tên tài khoản thanh toán (giống mục VI.2)/Name of checking account (same as V.2) Số tài khoản/Account No.: Số tài khoản/Account No.:	
☐ Đồng ý thay đổi thông tin tài khoản/ Approval to update account information.	
Giao dịch viên/Teller	Ngày hiệu lực/Effective date: / /
Nhân viên tiếp nhận/Transaction staff	Kiểm soát/Supervisor
Phê duyệt/Approver	